

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI JK VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI JK VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: JK VIETNAM TRADING AND TRANSPORTATION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: JK VIETNAM TRADING AND TRANSPORTATION CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0108722314

3. Ngày thành lập: 03/05/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

VP26, Tầng 26 Tòa Nhà Sông Đà Hà Đông, 110 Đường Trần Phú, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
2.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
3.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
4.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
5.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
6.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
7.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
8.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
9.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
10.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
11.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
12.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
13.	Cửa, xe, bảo gỗ và bảo quản gỗ	1610
14.	In ấn	1811
15.	Sao chép bản ghi các loại	1820
16.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
17.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
18.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
19.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
20.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599

21.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
22.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
23.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
24.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
25.	Xây dựng nhà để ở	4101
26.	Xây dựng nhà không để ở	4102
27.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
28.	Xây dựng công trình điện	4221
29.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
30.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
31.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
32.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
33.	Phá dỡ	4311
34.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
35.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
36.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
37.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
38.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
39.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Không bao gồm hoạt động đấu giá	4511
40.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
41.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Không bao gồm hoạt động đấu giá	4530
42.	Bán mô tô, xe máy Không bao gồm hoạt động đấu giá	4541
43.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Không bao gồm hoạt động đấu giá	4543
44.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa	4610
45.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
46.	Bán buôn thực phẩm	4632
47.	Bán buôn đồ uống	4633
48.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
49.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
50.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
51.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
52.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

53.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
54.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
55.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Không bao gồm mua bán vàng miếng	4662
56.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
57.	Bán buôn tổng hợp Trừ hàng hóa bị cấm theo quy định	4690
58.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
59.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
60.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
61.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
62.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
63.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
64.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
65.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
66.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
67.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
68.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
69.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
70.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
71.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
72.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
73.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
74.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết : Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh	4772

75.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
76.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh Không bao gồm hoạt động đấu giá	4774
77.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
78.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Không bao gồm hoạt động đấu giá	4791
79.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
80.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh	4932
81.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933(Chính)
82.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
83.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Không bao gồm kinh doanh bất động sản	5210
84.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải đường thủy nội địa	5222
85.	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa đường bộ	5224
86.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
87.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển - Logistic	5229
88.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
89.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
90.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
91.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
92.	Lập trình máy vi tính	6201
93.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202

94.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
95.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
96.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
97.	Quảng cáo	7310
98.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
99.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
100.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
101.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
102.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác Chi tiết: - Photo, chuẩn bị tài liệu - Hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
103.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Trừ hợp báo	8230
104.	Dịch vụ đóng gói	8292
105.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (trừ Dịch vụ lấy lại tài sản; Hoạt động đấu giá độc lập)	8299
106.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
107.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
108.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
109.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
110.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
111.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529
112.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
113.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631

6. Vốn điều lệ: 300.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN VĂN QUYỀN

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 24/10/1994

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 033094001435

Ngày cấp: 22/03/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Kênh Cầu, Xã Đồng Than, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Kênh Cầu, Xã Đồng Than, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN QUYỀN

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *24/10/1994*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *033094001435*

Ngày cấp: *22/03/2017*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Kênh Cầu, Xã Đồng Than, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Kênh Cầu, Xã Đồng Than, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội